

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15/2022/HS-ST**
Ngày 31-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Chí Ngãi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Khánh.
2. Ông Trần Xi Noa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi. Ở điểm cầu trung tâm;

Ông Trần Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi. Ở điểm cầu thành phần.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Võ D Khải và bà Nguyễn Thanh Mai - Kiểm sát viên. Ở điểm cầu trung tâm;

Kiểm sát viên ông Nguyễn Khánh Vương - Kiểm sát viên. Ở điểm cầu thành phần.

Cán bộ, chiến sỹ thuộc cơ sở giam giữ Lê Minh Viên và Phạm Văn Kiệt. Ở điểm cầu thành phần.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại điểm cầu trung tâm đặt tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi và điểm cầu thành phần đặt tại trụ sở Công an huyện Y. Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2022/TLST-HS, ngày 12 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: BÙI QUANG D; tên gọi khác: Không; sinh ngày 14 tháng 10 năm 2002, tại: huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn E, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Công nhân; con ông Bùi Văn T và bà Lương Thị D; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 15/12/2021, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: PHẠM BÁ T1; tên gọi khác: Không; sinh ngày 17 tháng 01 năm 2003, tại: huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi;

Nơi ĐKHKTT: Thôn U, xã P, huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi. Chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã S, huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Không có; con ông Phạm H và bà Nguyễn Thị T2; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 15/12/2021, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: TRẦN VĂN P1; tên gọi khác: Không; sinh ngày 16 tháng 02 năm 2003, tại: huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn G, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Không có; con ông Trần Văn Tuấn A1 và bà Nguyễn Thị M; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Có 02 tiền sự (trong đó 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản và 01 tiền sự về hành vi cố ý gây thương tích).

Ngày 23/12/2020 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị Công an xã K, huyện N quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00002/QĐ-XPHC ngày 26/01/2021 với hình thức phạt tiền.

Ngày 22/3/2021, thực hiện hành vi cố ý gây thương tích bị Công an huyện Y quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 123/QĐ-XPHC ngày 23/4/2021 với hình thức phạt tiền.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 15/12/2021, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Tiêu Văn P2, sinh năm 1998.

Trú tại: Thôn Q1, xã E1, huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Anh Đỗ Văn T3, sinh năm 2004.

Trú tại: Thôn A, xã S, huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Anh Trần Minh N1, sinh năm 2002.

Trú tại: Thôn R1, xã D1, huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Anh Ung Minh T4, sinh năm 2003.

Trú tại: Thôn U1, xã D1, huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Bà Trần Thị Thu N2, sinh năm 1989.

Trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn H1, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Ông Bùi Văn T5, sinh năm 1978.

Trú tại: Thôn E, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

7. Ông Trần Văn Tuấn A2, sinh năm 1975.

Trú tại: Thôn G, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

8. Ông Nguyễn Hồng S1, sinh năm 1951.

Trú tại: Thôn A, xã S, huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi.

9. Ông Lê Văn S2, sinh năm 1970.

Trú tại: Tổ dân phố V, thị trấn B, huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Bùi Văn Thịnh (Có mặt). Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 16 giờ 40 phút, ngày 15/12/2021 tại khu vực nương kênh thuộc thôn X, xã M1, huyện Y tổ công tác Công an huyện Y bắt quả tang trên người bị cáo Phạm Bá T1 và bị cáo Bùi Quang D tàng trữ ma túy. Thu giữ 06 đoạn ống nhựa màu trắng được hàn kín hai đầu (04 đoạn kích thước (2,5x0,7) cm, 02 đoạn có kích thước (2x0,7) cm, bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng đục) và một số đồ vật, tài liệu có liên quan.

Quá trình điều tra xác định: Sáng ngày 12/12/2021, các bị cáo Trần Văn P1, Phạm Bá T1, Bùi Quang D uống cà phê tại quán S4 ở thị trấn B, huyện Y, trong lúc uống cà phê thì bị cáo P1 nói với các bị cáo T1 và D nội dung “*đưa nào cũng cần tiền, bây giờ mua ma túy về bán, tao đem xe cầm lấy tiền mua ma túy về bán kiếm tiền tiêu xài*”, bị cáo T1 và bị cáo D đồng ý, tiền thu lợi từ việc bán ma túy giao cho bị cáo T1 giữ và sử dụng để chi tiêu cùng nhau. Khoảng 14 giờ ngày 12/12/2021, bị cáo P1 điều khiển xe máy biển số 76B1-275.80; bị cáo D điều khiển xe máy biển số 76E1-529.01 chở bị cáo T1 đến nhà chị Trần Thị Thu N2, ở tổ dân phố 3, thị trấn H1, huyện Q. Các bị cáo D, T1 chờ bên ngoài, bị cáo P1 đem xe máy vào để ở sân nhà và nói với chị N2 nội dung “*cho em cầm xe máy ba triệu*”, chị N2 đưa cho bị cáo P1 số tiền 2.700.000 đồng. Sau đó, các bị cáo P1, T1, D cùng đi trên xe máy biển số 76E1-529.01 đến khu vực Cụm công nghiệp thị trấn H1, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi; bị cáo P1 sử dụng điện thoại di động liên lạc với người thanh niên tên “Cường” (không rõ lai lịch) mua 2.500.000 đồng ma túy đá và trực tiếp điều khiển xe máy đi nhận ma túy, bị cáo D với bị cáo T1 đứng chờ. Sau khi mua được ma túy các bị cáo P1, T1, D đến nhà ông Nguyễn Hồng S1 (ông ngoại của T1), sinh năm 1951 ở thôn A, xã S, huyện Y cùng phân chia ma túy vào các đoạn ống nhựa loại

ống hút nước giải khát thường gọi các tép ma túy để bán và sử dụng; bị cáo D làm nhiệm vụ cắt ống nhựa thành các đoạn ngắn, bị cáo T1 dùng máy lửa hàn 02 đầu ống nhựa, bị cáo P1 bỏ ma túy vào các đoạn ống nhựa và đã phân chia được 21 tép ma túy. Ngoài lần bán ma túy bị bắt quả tang vào ngày 15/12/2021, thì từ ngày 12/12/2021 đến ngày bị bắt (ngày 15/12/2021), cả ba bị cáo đã nhiều lần bán ma túy đá cho người khác, cụ thể:

- Chiều ngày 12/12/2021, bị cáo T1 mượn xe máy biển số 92F8-3983 của anh Đỗ Văn T3 và điều khiển xe chở bị cáo P1 đến cầu V1 bán cho anh Trần Minh N1 01 tép ma túy giá tiền 300.000 đồng và sau đó bán cho một người thanh niên tên “Vỹ” không rõ lai lịch ở xã S, huyện Y 01 tép ma túy giá 200.000 đồng tại cầu B1 thôn G1, xã S.

- Chiều ngày 13/12/2021, bị cáo D điều khiển xe máy biển số 76E1-529.01 chở bị cáo P1, bị cáo T1 đến cầu V1 bán cho anh Trần Minh N1 01 tép ma túy giá tiền 300.000 đồng và bán cho anh Tiêu Văn P2 (thường gọi P2) 01 tép ma túy giá 400.000 đồng tại nương kênh ở phía trên trường L thuộc thôn X, xã M1, huyện Y; khi nhận ma túy anh P2 trả cho bị cáo P1 số tiền 200.000 đồng và nói “Nợ hai trăm, bữa sau trả”. Đêm ngày 13/12/2021, các bị cáo P1, T1, D thuê phòng tại nhà nghỉ S3 ở TDP V, thị trấn B do ông Lê Văn S2 làm chủ để cùng nhau sử dụng ma túy.

- Tối ngày 14/12/2021 trong lúc các bị cáo P1, T1, D uống cà phê tại quán S4 ở thị trấn B thì anh Ung Minh T4, gọi điện thoại di động ứng dụng messenger cho bị cáo P1 hỏi mua 01 tép ma túy giá 300.000 đồng, giao ma túy tại cầu V1; bị cáo P1 mượn xe máy của bị cáo D điều khiển đến cầu V1 bán ma túy cho anh T4; một người không rõ lai lịch tên Ninh gọi điện thoại di động ứng dụng messenger cho bị cáo D mua 01 tép ma túy giá 300.000 đồng, giao ma túy trước nhà trọ Y1 ở trên trường D1, thị trấn B nên khi bị cáo P1 quay về lại quán thì bị cáo D điều khiển xe máy chở bị cáo T1 đi bán ma túy cho người tên “Ninh”.

Khoảng 16 giờ ngày 15/12/2021, các bị cáo P1, T1 và D đang chơi tại nhà của anh Trương Quang A4 thì có một người thanh niên có tên trên mạng xã hội facebook “P2” (tên thật là Tiêu Văn P2), liên lạc với bị cáo P1 qua ứng dụng cuộc gọi trên Facebook nội dung: “Lấy cho tao 02 cái đồ 5, chỗ cũ” (nghĩa là bán cho 02 tép ma túy, mỗi tép 500.000 đồng, giao ma túy chỗ cũ); bị cáo P1 đồng ý và hẹn giao ma túy cho anh P2 tại nương kênh thuộc xã M1, huyện Y. Bị cáo P1 nói lại nội dung; các bị cáo D và T1 đồng ý bán ma túy cho anh P2. Vì không có tép ma túy giá 500.000 đồng nên các bị cáo P1, D, T1 dồn chung 04 tép ma túy loại 200.000đ/01 tép thành 02 tép ma túy mỗi tép giá 400.000 đồng, kèm thêm 01 tép ma túy giá 200.000 đồng thành 03 tép ma túy giá 1.000.000 đồng để bán cho anh P2. Khi các bị cáo D, T1 chuẩn bị đi giao ma túy thì có một thanh niên chưa rõ lai lịch gọi điện thoại cho bị cáo P1 hỏi mua 01 tép ma túy giá 500.000 đồng địa điểm giao hàng chỗ cầu Sông Vệ cũ; bị cáo P1 lấy 02 tép ma túy giá mỗi tép 300.000 đồng đưa cho bị cáo D và bị cáo T1 đi giao cho người thanh niên này, bị cáo P1 nói với bị cáo D và bị cáo T1 chỉ lấy của người thanh niên này số tiền 500.000 đồng, nhằm mục đích khuyến mại để giữ khách. Bị cáo P1 giao số ma túy nêu trên cho bị

cáo D và bị cáo T1 đi bán và nói nội dung “đến gần chỗ P2 ở để khẩu trang, lấy cục đá chặn lại rồi đến chỗ P2 lấy số tiền một triệu hai trăm nghìn đồng có tiền nợ hôm qua 200.000 đồng, rồi chỉ chỗ để ma túy cho P2 đến lấy, sau khi giao ma túy cho P2 thì đến cầu Sông Vệ cũ giao ma túy lấy năm trăm nghìn đồng”. Bị cáo D lấy 01 khẩu trang y tế màu xanh (khẩu trang bị cáo P1 cất giấu các tép ma túy trước đó) và bỏ 03 tép ma túy vào mặt bên trong khẩu trang qua chỗ rách cũ, thấy bên trong còn sót 01 tép ma túy loại tép giá 200.000 đồng nhưng bị cáo D không lấy ra mà để giao khuyến mại luôn cho anh P2, bị cáo D gấp đôi khẩu trang lại cầm sẵn trên tay. Tiếp theo, bị cáo D lấy 01 khẩu trang y tế màu trắng, xé rách một đoạn ở mặt bên trong để giấu 02 tép ma túy bán cho khách ở cầu Sông Vệ cũ và cất giấu khẩu trang vào túi áo khoác đang mặc trên người. Sau đó, bị cáo T1 điều khiển xe máy biển số 76E1-529.01 chở bị cáo D đến thôn X, xã M1, huyện Y để bán ma túy cho anh P2, rồi đến cầu Sông Vệ cũ bán ma túy. Tuy nhiên, lúc dừng xe máy chỗ nương kênh chờ anh P2 ra nhận ma túy thì các bị cáo T1, D bị tổ công tác Công an huyện Y bắt quả tang.

Kết luận giám định số 1039/KLGD-PC09, ngày 19/12/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận:

“Chất rắn dạng hạt tinh thể màu trắng bên trong 04 đoạn ống nhựa của túi niêm phong mã số NS4.1915794 gửi giám định là ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng mẫu: 0,48 gam.

Chất rắn dạng hạt tinh thể màu trắng bên trong 02 đoạn ống nhựa của túi niêm phong mã số NS4.1915793 gửi giám định là ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng mẫu: 0,23 gam.

Tổng khối lượng mẫu ma túy loại Methamphetamine bên trong 06 đoạn ống nhựa là 0,71 gam

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 323, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ”.

Kết luận giám định số 12/KL-PC09, ngày 28/02/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi về dữ liệu lưu trữ trong điện thoại di động của các bị cáo Phạm Bá T1, Bùi Quang D, Trần Văn P1 phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra.

Cáo trạng số 07/CT-VKS-NH ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố các bị cáo Bùi Quang D, Phạm Bá T1, Trần Văn P1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố, thừa nhận hành vi mua bán nhiều lần trái phép chất ma túy cho nhiều người vì vụ lợi.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày luận tội; giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo

trạng đã công bố; đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên xử các bị cáo Bùi Quang D, Phạm Bá T1, Trần Văn P1 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt cáo Bùi Quang D, Phạm Bá T1 từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù; bị cáo Trần Văn P1 từ 09 đến 10 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo;

Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận về tội danh và khung hình phạt đối với luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Các bị cáo Trần Văn P1, Phạm Bá T1, Bùi Quang D là bạn bè quen biết và cùng sử dụng ma túy với nhau. Để có tiền tiêu xài và để có ma túy sử dụng nên đã cùng cố ý mua bán trái phép chất ma túy với người khác nhiều lần. Kết luận giám định số 1039/KLGD-PC09, ngày 19/12/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi xác định: Ma túy các bị cáo mua bán là loại Methamphetamine khối lượng là 0,71 gam.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng:

Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, có bàn bạc trước, chuẩn bị sẵn, công cụ, phương tiện phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự cố ý cùng thực hiện hành vi, với mục đích vụ lợi và để có ma túy sử dụng nên đã cố ý mua bán trái phép chất ma túy với người khác. Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước về ma túy, về trật tự - an toàn xã hội, là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại

địa phương nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” được quy định tại Điều 17, Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, truy tố bị cáo về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Theo số liệu thống kê thời gian qua, Nhà nước đã nỗ lực, thực hiện nhiều biện pháp để giải quyết tệ nạn ma túy. Nhưng vấn đề ma túy, tội phạm ma túy vẫn diễn biến phức tạp, có tính chất liều lĩnh, buôn bán với khối lượng lớn, bằng nhiều con đường khác nhau, có cả trung chuyển từ nước ta để đưa sang các nước khác và ngược lại. Việc lạm dụng ma túy đá, ma túy tổng hợp ngày càng tăng; số người nghiện ma túy trong độ tuổi lao động ngày càng nhiều và có xu hướng trẻ hóa. Các vụ trọng án đều có dính dáng đến việc sử dụng ma túy. Thực tế, bị cáo là những người còn trẻ nghiện ma túy, muốn có ma túy để sử dụng nên đã cố ý mua bán trái phép chất ma túy với mục đích kiếm lời và thỏa mãn nhu cầu cá nhân của mình; việc mua bán trái phép chất ma túy có nguy cơ làm tăng số lượng người nghiện ma túy trong cộng đồng, là một trong các nguyên nhân gia tăng tội phạm; tai nạn giao thông. Do đó, phải xử lý nghiêm khắc để giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo thấy rằng:

Đối với bị cáo Trần Văn P1: Là người khởi xướng, chủ động bàn bạc và trực tiếp cầm cổ xe lấy tiền mua ma túy; phân chia đóng gói các tốp ma túy bán cho những người khác, có vai trò quan trọng nhất trong vụ án nên phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mình.

Tuy nhiên, tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, nên xem đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có một tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng; không có nghề nghiệp ổn định, nghiện ma túy, nhân thân xấu nên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định với mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị cũng đủ tác dụng răn đe và giáo dục bị cáo phù hợp Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Phạm Bá T1 và bị cáo Bùi Quang D: Cả hai bị cáo cùng bàn bạc, thực hiện hành vi đóng gói và thực hiện việc mua bán ma túy theo yêu cầu của bị cáo P1 nên phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mình nhưng nhẹ hơn bị cáo P1.

Cũng như bị cáo P1, tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T1 và bị cáo D đã thành khẩn khai báo, nên xem đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo T1 và bị cáo D có một tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng; không có nghề nghiệp ổn định, nghiện ma túy, nên buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định với mức hình phạt thấp mà Đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị cũng đủ tác dụng răn đe và giáo dục bị cáo phù hợp Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có điều kiện kinh tế nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Trong quá trình điều tra cơ quan công an đã xác định:

- Đối với người thanh niên tên “Cường”, không rõ lai lịch, số điện thoại di động “0358685351” được lưu trong điện thoại của bị cáo P1 tên “Anh Cường”, bán ma túy cho bị cáo P1 tại thị trấn H1, huyện Q vào ngày 12/12/2021. Cơ quan điều tra đã yêu cầu Viettel Quảng Ngãi cung cấp thông tin (tên tuổi, địa chỉ) của chủ thuê bao di động số “0358685351”, nhưng chưa nhận được kết quả. Qua nội dung lời khai của bị cáo P1 không có cơ sở để xác minh, xác định lai lịch người thanh niên tên Cường đã bán ma túy cho bị cáo. Khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

- Đối với người thanh niên tên “Vỹ”, không rõ lai lịch ở xã S, huyện Y và người thanh niên tên “Ninh” mua ma túy của các bị cáo trước nhà trọ Y1 ở thị trấn B, huyện Y vào các ngày 12/12/2021 và ngày 14/12/2021. Qua nội dung lời khai của các bị cáo không có cơ sở để xác minh, xác định lai lịch của người có tên “Vỹ”, “Ninh”. Chưa có cơ sở để xử lý theo quy định.

- Đối với các bị cáo D, T1, P1 và các đối tượng Tiêu Văn P2, Trần Minh N1, Ung Minh T4, Trương Quang A4: Qua xét nghiệm kết quả đều dương tính với ma túy, loại Methamphetamin. Công an huyện Y đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt Cảnh cáo, về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy” đối với các đối tượng trên là thỏa đáng nên không xem xét.

- Đối với anh Trương Quang A4, ông Nguyễn Hồng S1, ông Lê Văn S2; họ hoàn toàn không biết việc các bị cáo P1, D, T1 cất giấu, sử dụng, mua bán ma túy nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Y không đề cập xử lý là phù hợp.

- Đối với bà Trần Thị Thu N2, ngoài lời khai của bị cáo P1 thì không có tài liệu, chứng cứ chứng minh bà N2 cầm cố xe máy của bị cáo P1 nên không đủ cơ sở để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với xe máy biển số 76B1-275.80: Ông Trần Văn Tuấn A2 (là cha của bị cáo P1) đã trả cho bà N2 số tiền 2.700.000 đồng và nhận lại chiếc xe; sau đó, ông Anh đã bán cho người khác, không phải là vật chứng nên không xét.

[5] Về dân sự: Không có ai có yêu cầu gì nên không xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy vật chứng là vật, cầm tàng trữ gồm:

01 (một) bì thư được niêm phong số 1039/ PC09(GĐ-2021) trên giáp lai có dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi, bên trong có 0,4 gam mẫu ma túy; loại Methamphetamine; cùng toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong còn lại giám định;

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước vật chứng là vật, công cụ dùng vào việc phạm tội gồm:

+ 01 điện thoại di động màu xanh đen, loại cảm ứng, có ốp lưng bằng nhựa trong suốt, mặt sau có dòng chữ VXMART. Mặt sau lưng điện thoại thể hiện số S/N: BAD00122513, số IMEI 1: 353442113214131; số IMEI 2: 353442113214149, bên trong thân máy có gắn 01 thẻ sim Vinaphon với dãy số: 89840200011197815382.

+ 01 điện thoại di động màu hồng, loại cảm ứng, có ốp lưng bằng nhựa màu đen, mặt sau có dòng chữ iPhone. số IMEI 1: 355710072364230; bên trong thân máy có gắn 01 thẻ sim Mobifon với dãy số: 8401210733062689.

+ Số tiền 214.000 đồng (Hai trăm mười bốn nghìn đồng) trong số tiền 644.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tại tài khoản số 3949.0.1041648.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y tại Kho bạc Nhà nước huyện Y.

+ Buộc các bị cáo liên đới nộp vào ngân sách nhà nước số tiền do phạm tội mà có 1.386.000 đồng (Một triệu ba trăm tám sáu nghìn đồng). Mỗi bị cáo nộp 462.000 đồng (Bốn trăm sáu hai nghìn đồng).

+ Buộc anh Tiêu Văn P2 nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) do còn nợ tiền mua ma túy của các bị cáo.

- Hoàn trả tài sản cho chủ sở hữu gồm:

+ Hoàn trả cho ông Bùi Văn T5 xe máy biển số 76E1-529.01. Ông T5 là chủ sở hữu, bị cáo D sử dụng chiếc xe vào việc phạm tội ông T5 không biết nên ông không có lỗi.

+ Hoàn trả cho bị cáo Phạm Bá T1 01 điện thoại di động màu đen, loại cảm ứng, có ốp lưng bằng nhựa màu đen viền xanh lá cây, mặt sau có dòng chữ SAMSUNG. Mặt sau lưng điện thoại thể hiện số IMEI 1: 352938771818650; số IMEI 2: 354350331818659, bên trong thân máy có gắn 01 thẻ sim Viettel với dãy số: 8984048000316500563. Chiếc điện thoại này không dùng vào việc phạm tội.

+ Hoàn trả cho bị cáo Bùi Quang D số tiền 340.000 đồng (Ba trăm bốn mươi nghìn đồng) trong số tiền 644.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tại tài khoản số 3949.0.1041648.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y tại Kho bạc Nhà nước huyện Y. Và 01 áo khoác màu đen, dài tay, kích thước 60 x82) cm, bên trên ngực trái có chữ “BURBERY”.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19 tháng 5 năm 2022 giữa Cơ quan điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa về tội danh, về mức hình phạt đối với các bị cáo T1 và D, về phần dân sự và xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Riêng về mức hình phạt đề nghị đối với bị cáo P1 là hơi cao.

[9] Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn P1, Phạm Bá T1, Bùi Quang D phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn P1 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày từ ngày 15/12/2021 (Ngày bắt tạm giữ, tạm giam).

Xử phạt bị cáo Phạm Bá T1 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày từ ngày 15/12/2021 (Ngày bắt tạm giữ, tạm giam).

Xử phạt bị cáo Bùi Quang D 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày từ ngày 15/12/2021 (Ngày bắt tạm giữ, tạm giam).

Tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy vật chứng là vật, cấm tàng trữ gồm:

01 (một) bì thư được niêm phong số 1039/ PC09(GĐ-2021) trên giáp lai có dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi, bên trong có 0,4 gam mẫu ma túy; loại Methamphetamine; cùng toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong còn lại giám định;

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước vật chứng là vật, công cụ dùng vào việc phạm tội gồm:

+ 01 điện thoại di động màu xanh đen, loại cảm ứng, có ốp lưng bằng nhựa trong suốt, mặt sau có dòng chữ VXMART. Mặt sau lưng điện thoại thể hiện số S/N: BAD00122513, số IMEI 1: 353442113214131; số IMEI 2:

353442113214149, bên trong thân máy có gắn 01 thẻ sim Vinaphon với dãy số: 89840200011197815382.

+ 01 điện thoại di động màu hồng, loại cảm ứng, có ốp lưng bằng nhựa màu đen, mặt sau có dòng chữ iPhone. số IMEI 1: 355710072364230; bên trong thân máy có gắn 01 thẻ sim Mobifon với dãy số: 8401210733062689.

+ Số tiền 214.000 đồng (Hai trăm mười bốn nghìn đồng) trong số tiền 644.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tại tài khoản số 3949.0.1041648.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y tại Kho bạc Nhà nước huyện Y.

+ Buộc các bị cáo Trần Văn P1, Phạm Bá T1, Bùi Quang D liên đới nộp số tiền 1.386.000 đồng (Một triệu ba trăm tám sáu nghìn đồng). Mỗi bị cáo nộp 462.000 đồng (Bốn trăm sáu hai nghìn đồng).

+ Buộc anh Tiêu Văn P2 nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

- Hoàn trả tài sản cho chủ sở hữu gồm:

+ Hoàn trả cho ông Bùi Văn T5 xe máy biển số 76E1-529.01.

+ Hoàn trả cho bị cáo Phạm Bá T1 01 điện thoại di động màu đen, loại cảm ứng, có ốp lưng bằng nhựa màu đen viền xanh lá cây, mặt sau có dòng chữ SAMSUNG. Mặt sau lưng điện thoại thể hiện số IMEI 1: 352938771818650; số IMEI 2: 354350331818659, bên trong thân máy có gắn 01 thẻ sim Viettel với dãy số: 8984048000316500563.

+ Hoàn trả cho bị cáo Bùi Quang D số tiền 340.000 đồng (Ba trăm bốn mươi nghìn đồng) trong số tiền 644.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tại tài khoản số 3949.0.1041648.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y tại Kho bạc Nhà nước huyện Y. Và 01 áo khoác màu đen, dài tay, kích thước 60 x82) cm, bên trên ngực trái có chữ “BURBERY”.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19 tháng 5 năm 2022 giữa Cơ quan điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y. Tại tài khoản 3949.0.1041648.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Trần Văn P1, Phạm Bá T1, Bùi Quang D mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong

hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Nhà tạm giữ CA huyện Y;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Y;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Y;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã P, huyện Y;
- UBND xã R, huyện Q;
- Bị cáo; người có liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án; lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Chí Ngãi